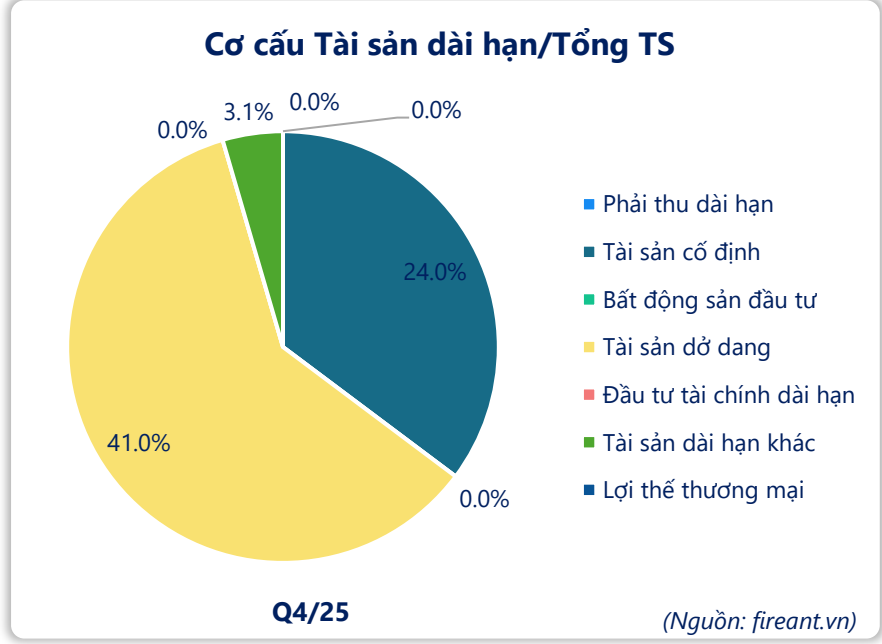
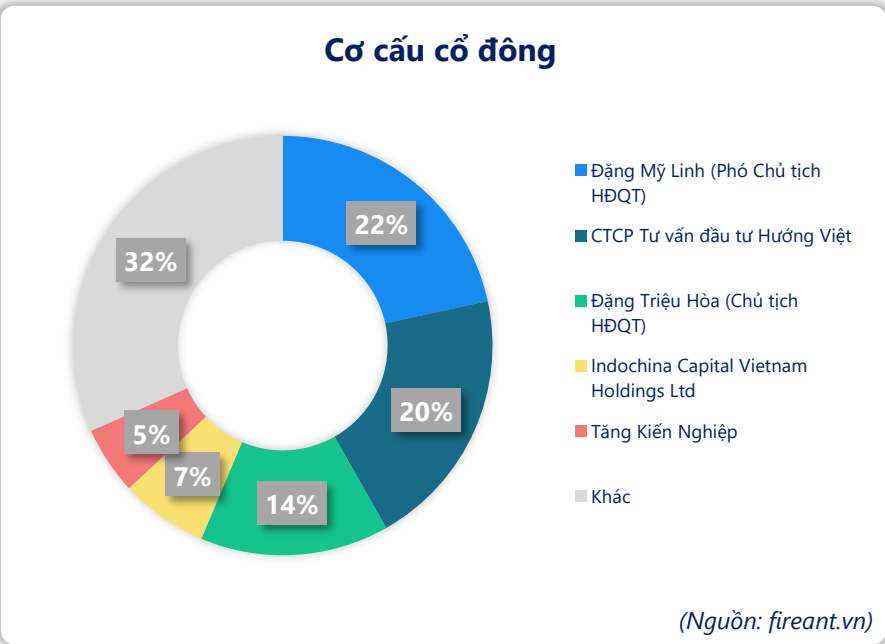
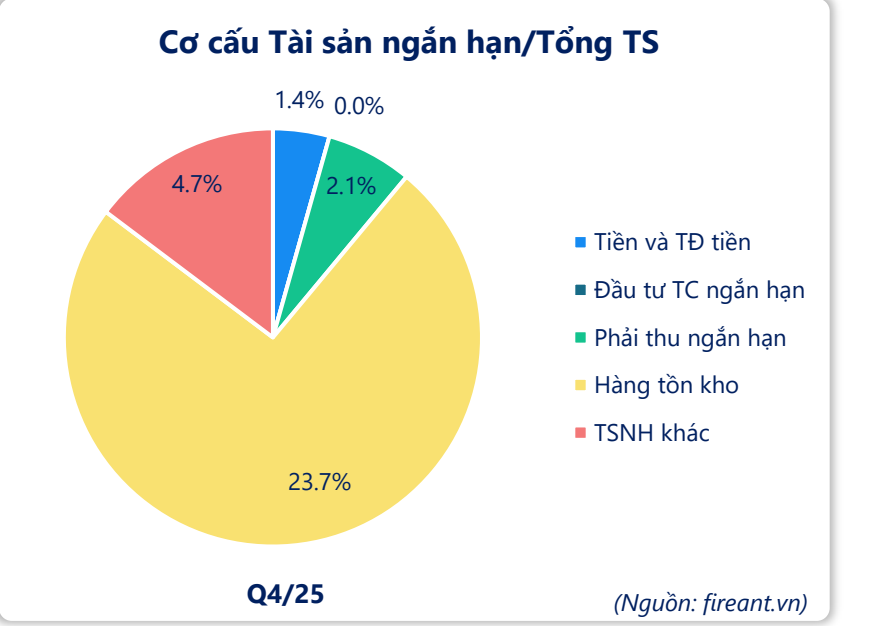
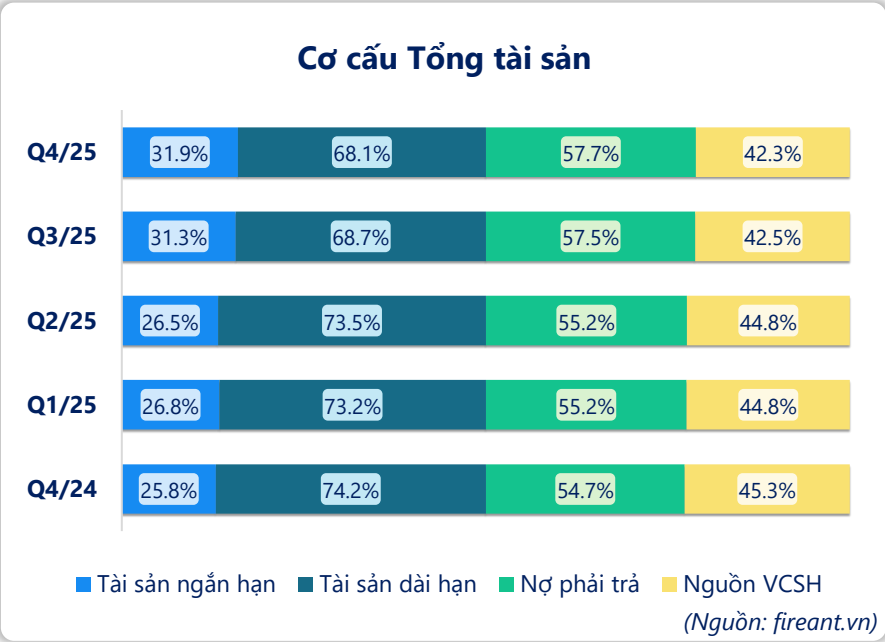
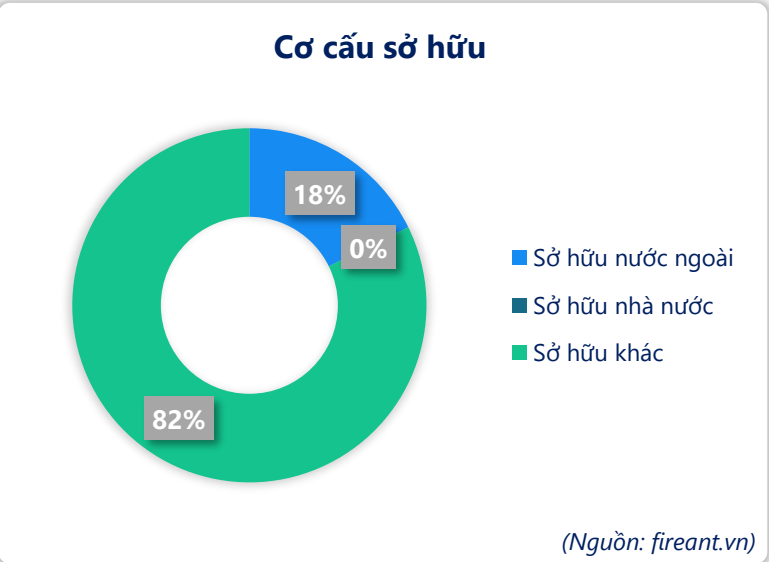
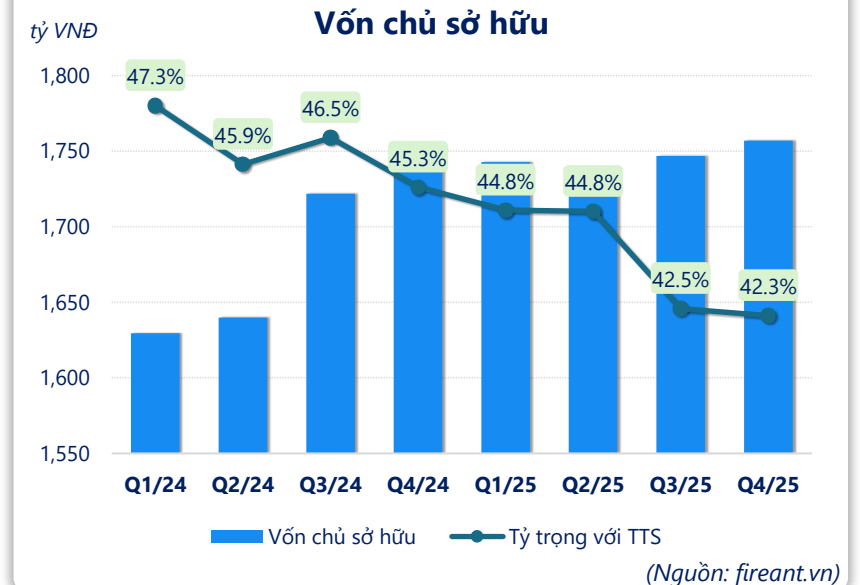
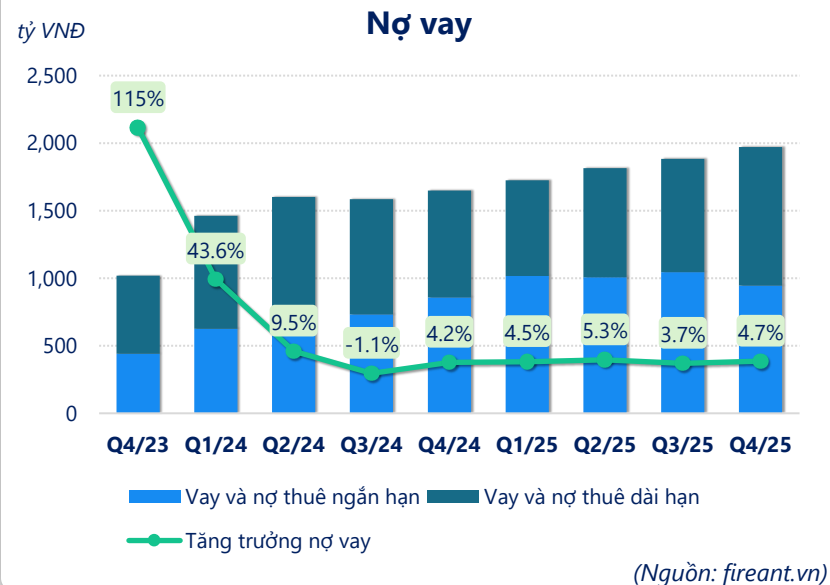
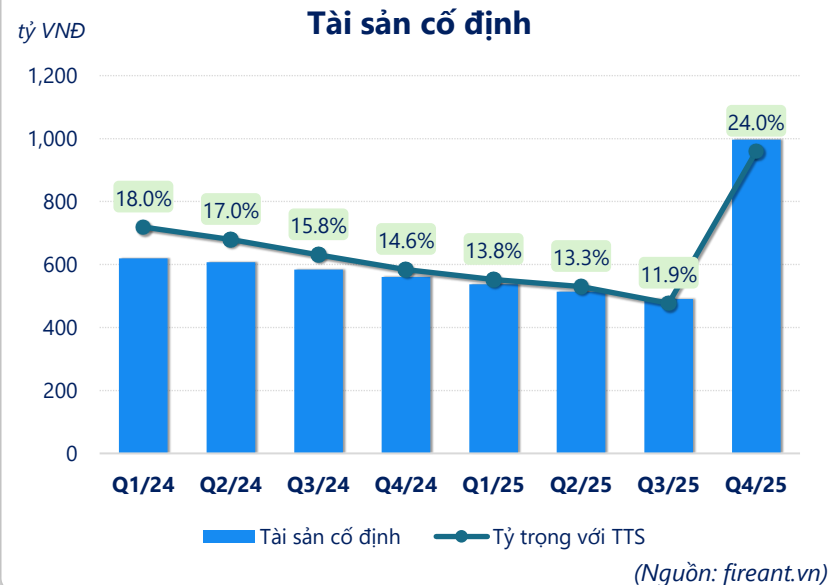
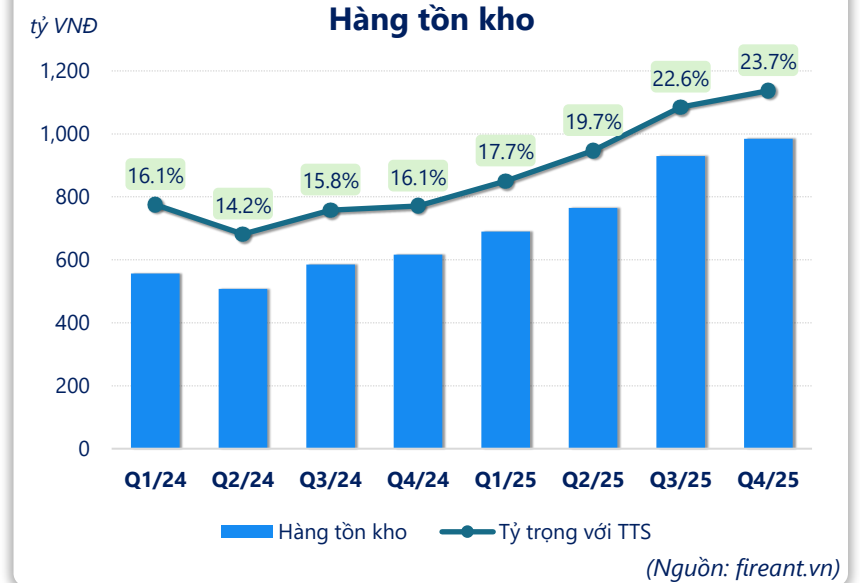
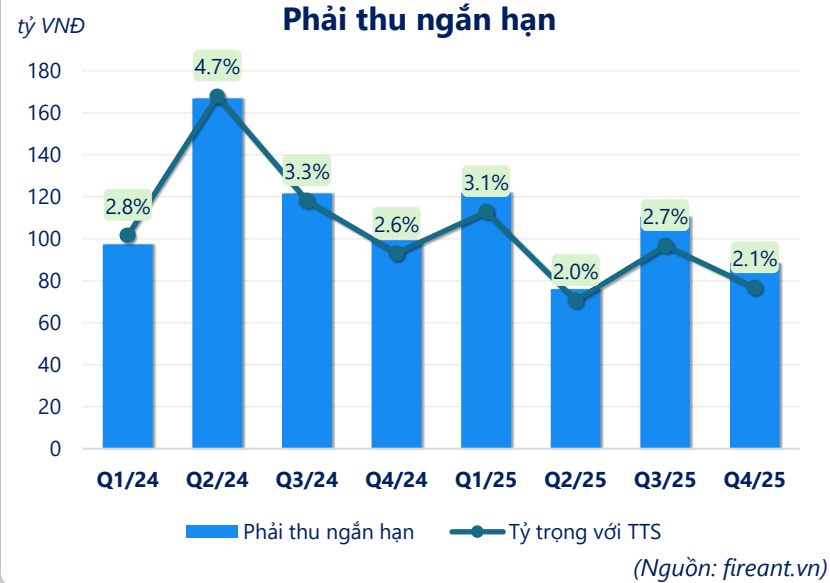
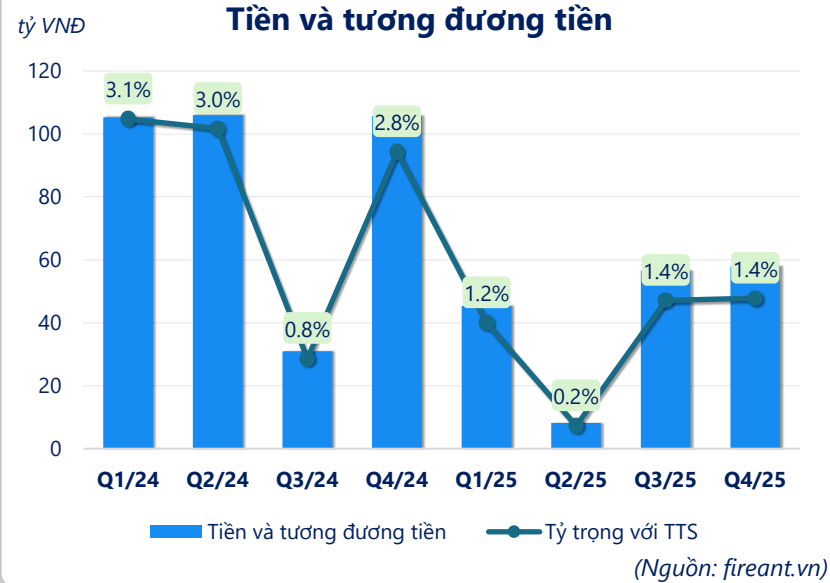
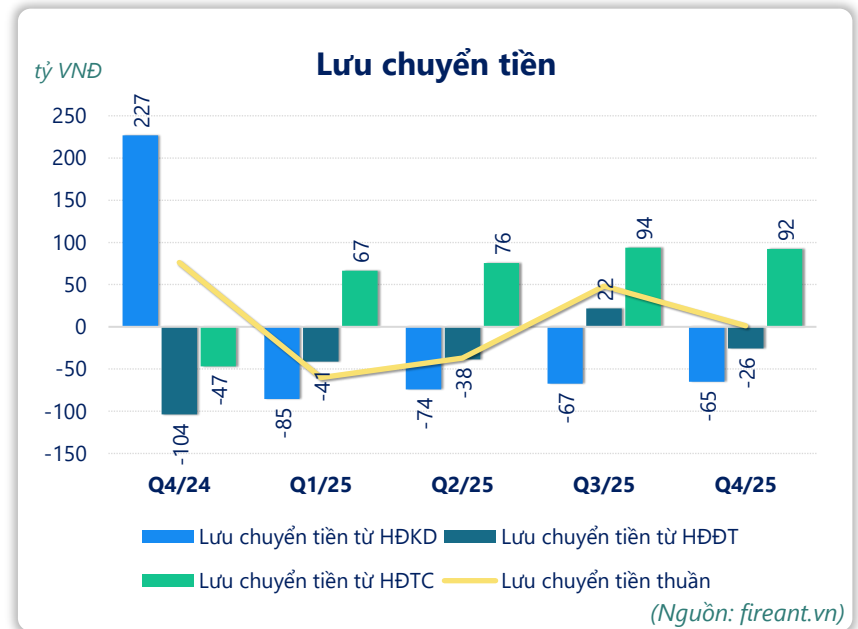
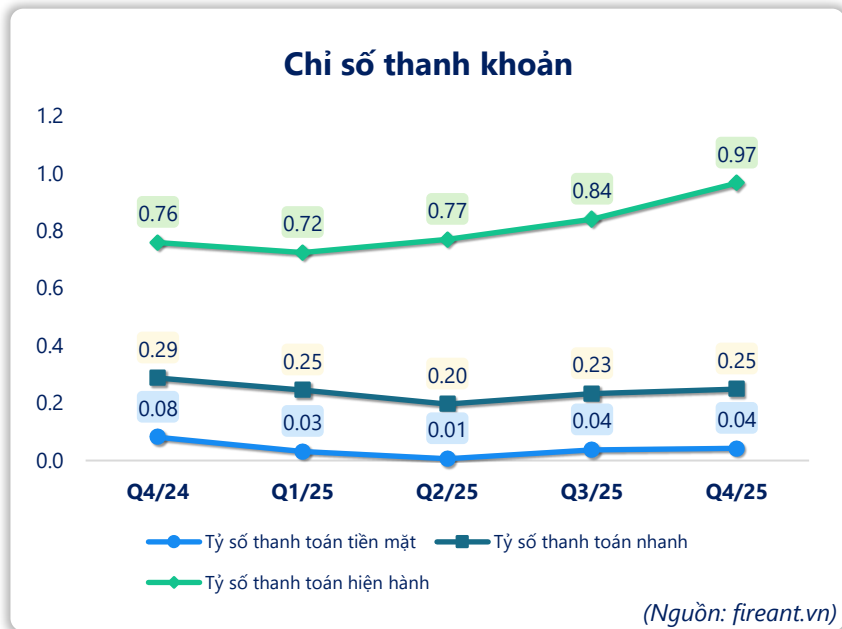
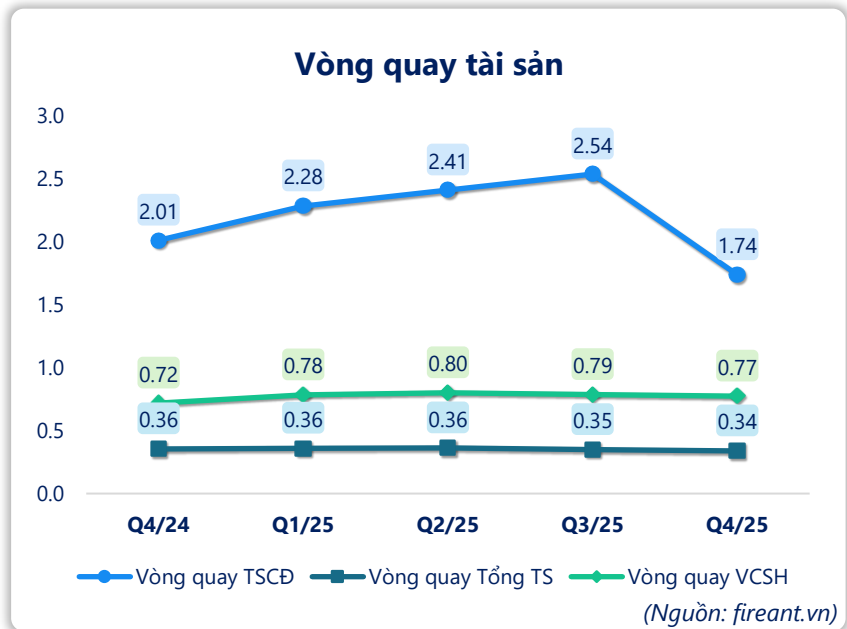
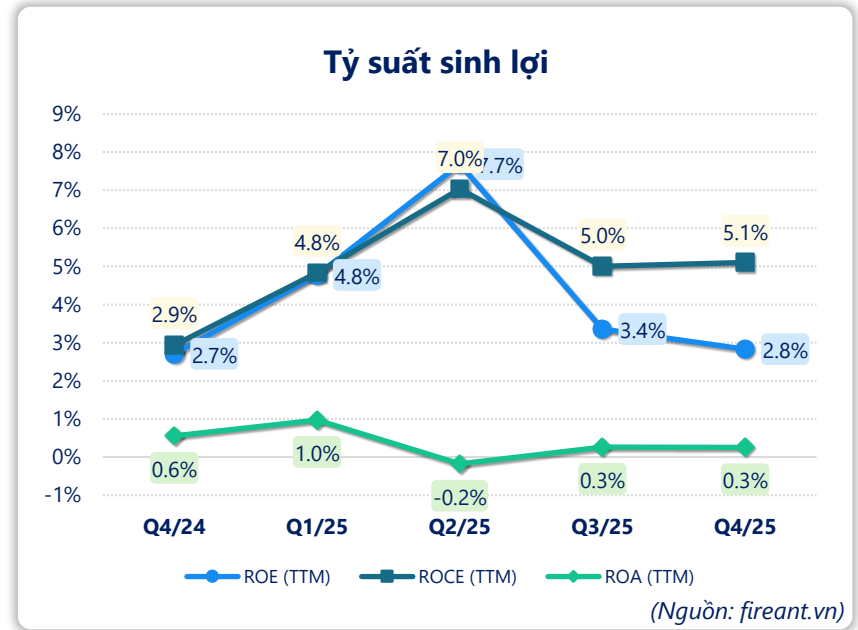
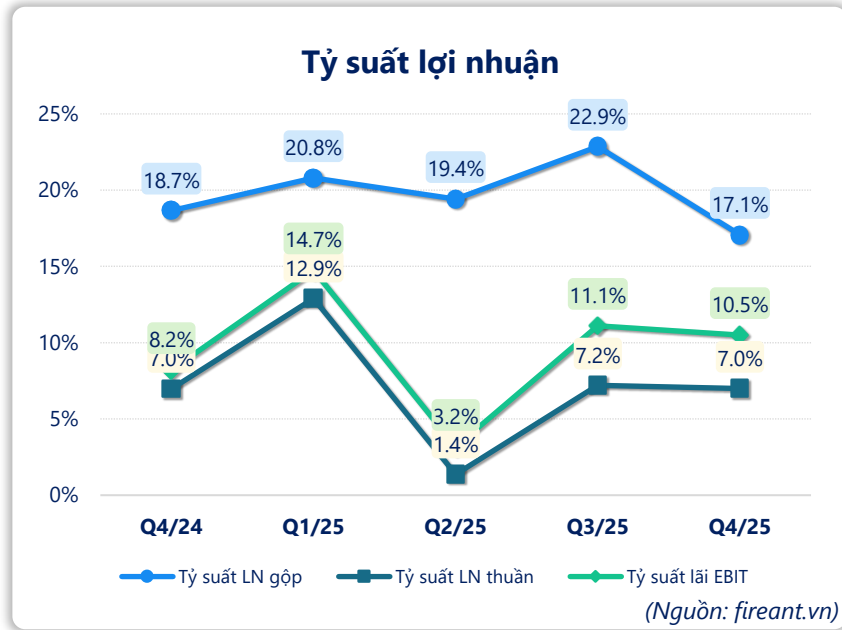
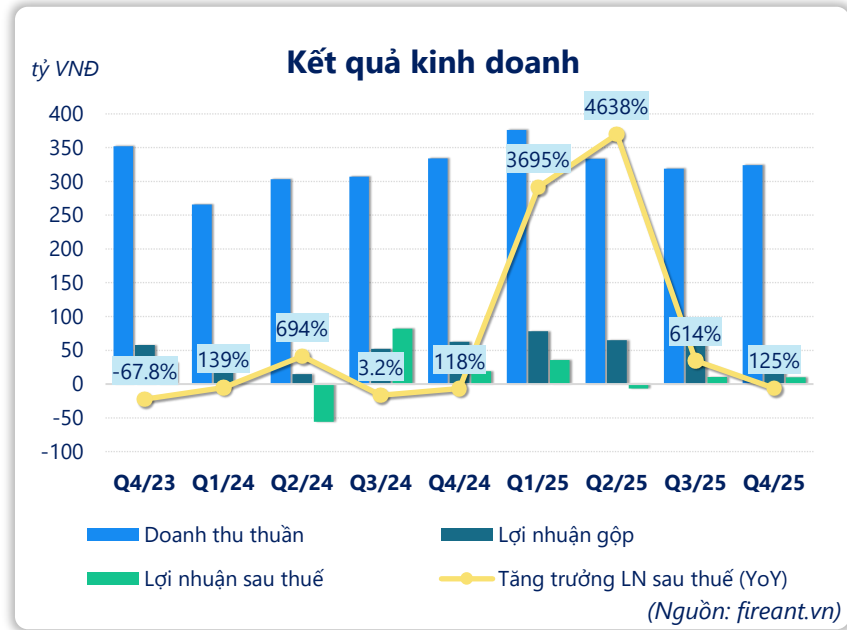


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,793
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,000
SL cổ phiếu LH		140,123,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,465
% sở hữu nước ngoài		17.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,179
P/E		44.0
EPS		353

	YTD	1T	3T	6T
STK	-9.1%	-7.4%	-9.1%	-16.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,155	3,811	9.0%
Tài sản ngắn hạn	1,326	997	33.0%
Tiền và tương đương tiền	57.9	106	-45.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	88.5	105	-16.0%
Hàng tồn kho	984	616	59.8%
Tài sản ngắn hạn khác	195	170	14.9%
Tài sản dài hạn	2,829	2,814	0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	997	561	77.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,705	2,111	-19.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	13.8	-100%
Tài sản dài hạn khác	128	129	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,398	2,104	14.0%
Nợ ngắn hạn	1,373	1,311	4.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	946	858	10.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	332	378	-12.2%
Nợ dài hạn	1,025	793	29.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,025	792	29.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,757	1,707	2.9%
Vốn chủ sở hữu	1,757	1,707	2.9%
Vốn điều lệ	1,401	966	45.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	334	376	333	319	324
Giá vốn hàng bán	272	298	269	246	269
Lợi nhuận gộp	62.4	78.3	64.8	72.9	55.4
Doanh thu HĐTC	-12.7	10.8	9.84	7.65	0.58
Chi phí TC	13.4	24.2	54.6	42.0	14.6
Chi phí lãi vay	4.10	6.81	8.81	12.5	14.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.50	2.22	2.59	2.07	3.42
Chi phí QLDN	10.4	14.0	12.9	13.5	15.3
LN thuần từ HĐKD	23.3	48.6	4.56	23.0	22.7
Lợi nhuận khác	0.01	0.14	-2.78	0.01	-3.42
LN trước thuế	23.3	48.7	1.77	23.0	19.2
Lợi nhuận sau thuế	18.8	35.6	-6.61	10.4	10.2
LNST của CĐ cty mẹ	18.8	35.6	-6.61	10.4	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	227	-85.5	-74.2	-67.3	-65.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-104	-41.2	-38.5	21.7	-25.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.7	66.5	75.6	93.9	92.2
Tiền đầu kỳ	30.9	106	45.4	8.22	56.5
Lưu chuyển tiền thuần	76.2	-60.1	-37.1	48.3	1.37
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.51	-0.09	-0.01	-0.03	0.04
Tiền cuối kỳ	106	45.4	8.22	56.5	57.9

(Nguồn: fireant.vn)